

Số: ~~114~~ /QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày ~~27~~ tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v miễn, giảm học phí cho sinh viên hệ chính quy học kỳ II năm học 2016 - 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-ĐHDL ngày 22 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021;

Căn cứ Thông báo số 792/TB-ĐHDL ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên hệ đào tạo chính quy năm học 2016 - 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2016 - 2017 cho 167 sinh viên hệ đào tạo chính quy có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Số lượng miễn, giảm cụ thể như sau:

1. Giảm 50%: 04 sinh viên.
2. Giảm 70%: 69 sinh viên.
3. Miễn 100%: 94 sinh viên.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, trưởng khoa có liên quan và sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *Mkh*

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

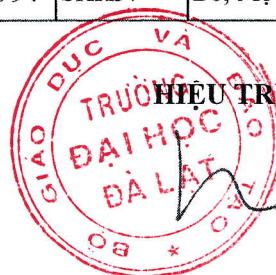
**DANH SÁCH SINH VIÊN DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
MỨC MIỄN GIẢM 50%**

Học kỳ II Năm học 2016-2017

(Kèm theo Quyết định số ¹¹⁴ /QĐ-ĐHDL, ngày 27 tháng 02 năm 2017)

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mã Lớp	Tên ĐTMG	Mức MG	Đợt xét
1	1411269	Trần Thị Ngọc	Mai	06/02/1996	CSK38	Bố, Mẹ bị tai nạn LĐ	50 %	1
2	1511955	Lê Đức	Tây	19/09/1995	DLK39B	Bố, Mẹ bị tai nạn LĐ	50 %	1
3	1411884	Hồ Đức	Khánh	15/03/1994	LHK38A	Bố, Mẹ bị tai nạn LĐ	50 %	1
4	1312756	Đặng Thị Thu	Hiền	01/04/1994	SHK37	Bố, Mẹ bị tai nạn LĐ	50 %	1

Tổng cộng: 04 SV



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

**DANH SÁCH SINH VIÊN DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
MỨC MIỄN GIẢM 70%**

Học kỳ II Năm học 2016-2017

(Kèm theo Quyết định số 44 /QĐ-ĐHDL, ngày 27 tháng 02 năm 2017)

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mã Lớp	Tên ĐTMG	Mức MG	Đợt xét
1	1412750	Ma	An	22/01/1996	AVK38B	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
2	1512549	Khải	Huyền	17/08/1997	AVK39C	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
3	1512731	Hà Thị	Vân	24/02/1997	AVK39F	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
4	1512569	Ka	Lăn	27/03/1997	AVK39G	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
5	1312133	Mẫu Thị	Hạ	01/09/1995	CPK37	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
6	1312147	Sầm Thị	Thảo	01/02/1995	CPK37	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
7	1412545	Ka	Trắng	27/03/1995	CPK38	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
8	1513979	H Nhó	Ayũn	16/10/1997	CPK39	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
9	1512034	Rơ Ông K'	Diệu	06/08/1995	CPK39	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
10	1512047	Ka	Hỏi	13/06/1997	CPK39	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
11	1510039	Rơ Ông K'	Joel	03/06/1996	CPK39	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
12	1514026	Lò Văn	Mừng	08/03/1996	CPK39	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
13	1612233	Ksing Hờ	Chun	01/01/1996	CPK40	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
14	1611746	Đinh Thị	Duyên	03/06/1998	CPK40	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
15	1612270	Thuận Thị	Nhà	14/03/1997	CPK40	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
16	1610029	Liêng Hót K'	Thảo	21/01/1997	CPK40	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
17	1511878	Son Thái	Lâm	03/05/1997	DLK39A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
18	1312260	Ka	Thúy	19/10/1994	DPK37HQ	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
19	1512158	Lê Thị	Hạnh	06/03/1996	DPK39HQ	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
20	1612465	Phạm Ánh	Linh	20/11/1997	DPK40HQ	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
21	1410829	Ma	Y	29/04/1996	HHK38	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
22	1511085	Lý Thị	Thắm	10/08/1997	KTK39	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
23	1311535	Nguyễn Thị	Thảo	08/03/1995	LHK37A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
24	1410054	Y	Đại	05/02/1995	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
25	1411828	Hoàng Thị Thu	Hằng	06/08/1996	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
26	1410050	Nay	H'Huết	02/04/1992	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
27	1410043	Ka	Hình	29/08/1994	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
28	1410049	Nay	H'Nhay	03/08/1994	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
29	1411850	Vi Thị	Hoa	18/08/1994	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mã Lớp	Tên ĐTMG	Mức MG	Đợt xét
30	1411863	Điều	Hưng	17/02/1994	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
31	1411870	Đinh Lý	Hương	14/07/1995	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
32	1410039	H' Bền	Kuan	01/04/1995	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
33	1410038	Y	Lan	04/03/1995	LHK38A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
34	1410031	Y	Plép	23/03/1995	LHK38B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
35	1411970	Rơ Nang Y	Sinh	04/04/1995	LHK38B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
36	1412002	Nông Thị	Thảo	07/04/1996	LHK38B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
37	1410019	Hoàng Thị	Uyên	08/08/1994	LHK38B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
38	1412068	Hoa Trung	Văn	02/08/1994	LHK38B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
39	1410056	Đinh Thị	Xlanh	03/01/1995	LHK38B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
40	1412077	Diệp Thị Hải	Yến	15/12/1996	LHK38B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
41	1510022	Lục Văn	Tuấn	28/02/1996	LHK39A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
42	1511632	Thị	Xương	04/08/1997	LHK39A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
43	1511412	Thị	Nika	18/08/1997	LHK39B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
44	1511363	Ka	Mỗi	09/02/1997	LHK39C	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
45	1510019	Un Đại	Tài	18/06/1996	LHK39C	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
46	1511506	Hoàng Thị	Thêu	15/10/1997	LHK39C	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
47	1511586	Long Phi	Tư	18/06/1997	LHK39C	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
48	1511362	H' Rup	Mlô	16/03/1996	LHK39D	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
49	1611273	H Lên Buôn	Dap	31/01/1998	LHK40A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
50	1610010	Rơ Ông K	Minh	29/10/1997	LHK40A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
51	1611554	Hoàng Thị	Phượng	04/06/1998	LHK40A	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
52	1611366	H Dliu	Hmök	17/08/1998	LHK40B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
53	1611385	Lý Thị Minh	Huệ	24/06/1998	LHK40B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
54	1611581	K'	Son	02/01/1998	LHK40B	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
55	1611842	Cil Pam Ly	Sa	28/06/1997	LSK40	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
56	1411141	Trương Thị	Thắm	05/04/1996	MTK38	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
57	1510515	Lò Đức	Huy	09/01/1997	MTK39	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
58	1510529	Liêng Hót Ha	Soan	25/01/1996	MTK39	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
59	1411163	Ma	Chu	30/12/1996	NHK38	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
60	1415182	Cơ Liêng Ha	Nóc	06/07/1995	NHK38CD	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
61	1415218	Pang Sim	Viên	14/03/1995	NHK38CD	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
62	1613233	Ka	Oi	17/12/1997	NHK40	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
63	1412220	Đồng Thị Kim	Thi	15/11/1993	NVK38	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
64	1513599	H'	Ri	20/06/1996	NVK39	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1
65	1611779	Son Thị Trúc	An	24/01/1998	NVK40	Dân Tộc Vùng ĐBK	70 %	1

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mã Lớp	Tên ĐTMG	Mức MG	Đợt xét
66	1514174	Quách Thị	Thúy	21/11/1997	QHK39	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
67	1510948	Nông Đức	Quyên	20/06/1997	QTK39A	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
68	1510029	Rơ Ông K'	Pót	29/10/1996	SHK39	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1
69	1412356	Hoàng Thị	Lành	28/12/1995	VNK38	Dân Tộc Vùng ĐBKK	70 %	1

Tổng cộng: 69 SV



HIỆU TRƯỞNG *Mk*

PGS.TS *Nguyễn Đức Hòa*

**DANH SÁCH SINH VIÊN DIỆN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
MỨC MIỄN GIẢM 100%**

Học kỳ II Năm học 2016-2017

(Kèm theo Quyết định số 144 /QĐ-ĐHDL, ngày 27 tháng 02 năm 2017)

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mã Lớp	Tên ĐTMG	Mức MG	Đợt xét
1	1512466	Trần Thị	Anh	15/11/1997	AVK39B	Con Mồ Côi	100 %	1
2	1512068	Nguyễn Quốc	Thái	15/06/1996	CPK39	Con Mồ Côi	100 %	1
3	1311071	Lê Minh	Tâm	13/06/1995	CSK37A	Con Mồ Côi	100 %	1
4	1312077	Võ Văn	Thao	10/04/1995	DLK37	Con Mồ Côi	100 %	1
5	1511952	Phan Sinh	Tài	08/02/1992	DLK39B	Con Mồ Côi	100 %	1
6	1312225	Lê Thị	Oanh	15/09/1995	DPK37HQ	Con Mồ Côi	100 %	1
7	1511610	Nguyễn Thị Kiều	Vân	17/01/1997	LHK39B	Con Mồ Côi	100 %	1
8	1412231	Ka Thị	Hương	17/04/1996	NVK38SP	Con Mồ Côi	100 %	1
9	1313157	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	26/09/1995	CPK37	Tàn tật	100 %	1
10	1610633	Đỗ Nhật	Huy	26/02/1998	CSK40	Tàn tật	100 %	1
11	1612690	Lương Thị	Vân	17/06/1996	DPK40HQ	Tàn tật	100 %	1
12	1311580	Vũ Trần Thái	Thanh	04/05/1995	LHK37B	Tàn tật	100 %	1
13	1611868	Bùi Thị Yến	Nhi	13/05/1996	NVK40	Tàn tật	100 %	1
14	1513019	Lương Huỳnh Ngọc	Thảo	23/04/1996	VLK39	Tàn tật	100 %	1
15	1412879	Nguyễn Thị	Sang	16/07/1996	AVK38D	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
16	1411437	Võ Thị Thuý	Tinh	07/07/1996	CHK38	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
17	1312128	Đinh	Hoel	08/08/1994	CPK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
18	1313165	Lê Xuân	Thành	20/12/1994	CPK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
19	1412556	Trần Thị Lâm	Viên	28/01/1996	CPK38	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
20	1310978	Trịnh Văn	Mười	18/04/1995	CSK37B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
21	1311025	Nguyễn Văn	Thư	20/02/1994	CSK37B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
22	1413188	Nguyễn Hữu	Say	16/02/1996	CSK38	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
23	1610748	Trương Ngọc	Trung	14/05/1998	CSK40	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
24	1410302	Nguyễn Hữu Duy	Khánh	11/05/1996	CTK38	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
25	1510267	Dương Chí	Trung	12/09/1997	CTK39B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
26	1312008	Ngô Thị Kim	Hiệp	20/08/1993	DLK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
27	1513737	Nguyễn Chí	Công	04/03/1997	DLK39A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
28	1511910	Cần Thị	Ngoan	10/08/1996	DLK39B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
29	1513896	Hoàng Thị	Thắng	22/08/1997	DLK39B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
30	1612199	Hồ Sỹ	Tuấn	02/07/1998	DLK40	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mã Lớp	Tên ĐTMG	Mức MG	Đợt xét
31	1412727	Nguyễn Tuấn	Việt	14/02/1996	DPK38NB	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
32	1512212	Tiêu Thị	Kim	15/10/1995	DPK39NB	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
33	1612529	Trương Thị Hồng	Nhung	10/04/1998	DPK40HQ	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
34	1612613	Nguyễn Thị	Thuận	27/03/1998	DPK40HQ	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
35	1612427	Trần Thị Kim	Hương	10/08/1998	DPK40NB	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
36	1310575	Đổng Thái	Dương	14/02/1994	HHK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
37	1310570	Nguyễn Đỗ Thùy	Dương	15/01/1995	HHK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
38	1510433	Trần Thị Thương	Thương	25/08/1997	HHK39	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
39	1311292	Lương Ngọc	Phúc	02/01/1995	KTK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
40	1411752	Đào Lê Anh	Thư	12/12/1995	KTK38	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
41	1415248	Cao Xuân	Khánh	02/02/1996	KTK38CD	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
42	1311332	Ngô Thị	Chín	01/02/1994	LHK37A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
43	1311427	Nguyễn Thị	Lan	25/04/1995	LHK37A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
44	1311511	Bùi Công	Tài	28/06/1995	LHK37A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
45	1311527	Lê Thanh	Tân	16/07/1993	LHK37A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
46	1311598	Lê Hoàng	Vũ	15/01/1995	LHK37A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
47	1311601	Nguyễn Thị Mỹ	Vui	10/02/1994	LHK37A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
48	1311352	Phan Trọng	Đại	23/01/1991	LHK37B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
49	1311346	Trần Hạnh	Dung	28/02/1994	LHK37B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
50	1311442	Trịnh Ngọc	Minh	20/02/1991	LHK37B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
51	1311489	Phạm Thị	Phương	08/05/1989	LHK37B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
52	1311541	Trần Thị	Tâm	30/04/1995	LHK37B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
53	1311534	Trần Thị Thanh	Thùy	04/08/1995	LHK37B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
54	1410053	Coor	Déo	16/04/1995	LHK38A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
55	1411890	Nguyễn Thị	Lệ	10/05/1996	LHK38A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
56	1410027	Un	Phối	11/02/1994	LHK38B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
57	1410026	Coor	Thê	31/07/1995	LHK38B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
58	1411986	Rochâm	Thum	25/06/1996	LHK38B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
59	1410024	Đinh Nữ Diễm	Trang	15/02/1995	LHK38B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
60	1411998	Đào Ngọc	Trung	15/04/1995	LHK38B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
61	1412018	Trần Xuân	Truyền	02/01/1995	LHK38B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
62	1511426	Lưu Thị	Phụng	25/09/1996	LHK39A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
63	1511510	Phạm Thị Thanh	Thịnh	19/04/1997	LHK39A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
64	1511133	Nguyễn Hùng	Anh	01/03/1997	LHK39B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
65	1511348	Trần Thị	Long	07/03/1996	LHK39B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
66	1511406	Trần Thị Hồng	Nhung	07/05/1997	LHK39B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
67	1511268	Bùi Văn	Hoàng	14/12/1995	LHK39C	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Mã Lớp	Tên ĐTMG	Mức MG	Đợt xét
68	1511442	Bùi Tôn	Quân	20/10/1995	LHK39C	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
69	1610009	K'thị	Hoài	08/05/1995	LHK40A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
70	1611599	Nguyễn Văn	Thành	20/04/1996	LHK40A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
71	1611244	Hoàng An	Bình	23/01/1998	LHK40B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
72	1611323	Trần Thị Ngân	Hà	03/07/1998	LHK40B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
73	1611637	Đặng Thị Minh	Thư	14/06/1998	LHK40B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
74	1611681	Trần Thị Thùy	Trang	02/01/1998	LHK40B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
75	1311868	Tiêu Thị	Kim	15/10/1995	LSK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
76	1310784	Phạm Thị	Hiền	23/09/1995	MTK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
77	1415183	Phạm Thị	Nụ	27/09/1996	NHK38CD	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
78	1510563	Nguyễn Thị	Hòa	10/11/1996	NHK39	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
79	1510596	Nguyễn Xuân	Trường	25/03/1989	NHK39	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
80	1311752	Phạm Thị Bích	Ngọc	24/07/1994	NVK37A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
81	1312306	Nguyễn Thị Như	Ngọc	20/08/1992	QHK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
82	1514108	Đặng Thế Anh	Hoài	05/03/1996	QHK39	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
83	1311214	Nguyễn Thị Thanh	Quý	01/01/1995	QTK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
84	1311249	Bùi Thanh	Triều	13/08/1995	QTK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
85	1510862	Lê	Huy	01/03/1997	QTK39A	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
86	1510913	Nguyễn Văn	Nghĩa	21/07/1997	QTK39B	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
87	1610964	Võ Thị Thùy	Nhung	10/01/1998	QTK40	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
88	1312749	Nguyễn Hữu	Đạo	06/03/1993	SHK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
89	1410893	Nguyễn Thị	Hân	16/07/1996	SHK38	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
90	1513159	Nguyễn Thị Đan	Trâm	20/12/1997	SHK39	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
91	1512989	Trần Thị Châu	Giang	16/01/1997	VLK39	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
92	1311947	Nguyễn Hà Ly	Ly	20/08/1994	VNK37	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
93	1412345	Vũ Thị	Cường	19/06/1996	VNK38	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1
94	1511664	Nguyễn Nam	Sanh	02/09/1997	XHK39	Ưu Đãi Giáo Dục ĐT	100 %	1

Tổng cộng: 94 SV



HIỆU TRƯỞNG *Mh*

PGS.TS *Nguyễn Đức Hòa*